

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mức thu học phí đối với giáo dục nghề nghiệp từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM

Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-LĐTĐ ngày 24/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp nghề Kon Tum thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ ban hành quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (gọi tắt là Nghị định số 81/2021/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 11/11/2022 của Hội đồng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum về Phiên họp thứ bảy Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2020-2025;

Xét đề nghị của Trường phòng Kế hoạch – Tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu học phí từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026, cụ thể:

1. Đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp

Đơn vị: đồng/tháng/học sinh, sinh viên

TT	Nhóm ngành, nghề	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh	490.000	560.000	640.000	730.000
2	Khoa học, pháp luật và toán	565.000	650.000	745.000	850.000
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	565.000	650.000	745.000	850.000
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	565.000	650.000	745.000	850.000
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	490.000	560.000	640.000	730.000
6	Sức khỏe	665.000	760.000	870.000	1.000.000
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	565.000	650.000	745.000	850.000

2. Đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học; đào tạo từ xa được xác định trên cơ sở chi phí hợp lý thực tế với mức thu không vượt quá 150% mức học phí của hệ đào tạo chính quy tương ứng nêu trên.

3. Đối với các ngành, nghề đào tạo theo hình thức học trực tuyến (học online), được xác định trên cơ sở chi phí hợp lý thực tế, tối đa bằng mức học phí của các ngành, nghề đào tạo theo hình thức đào tạo trực tiếp.

4. Đối với các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên, đào tạo kỹ năng và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác do nhà trường chủ động xây dựng và quy định mức thu theo sự đồng thuận giữa người học và nhà trường, bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình với người học, xã hội.

5. Học phí giáo dục nghề nghiệp tính theo tín chỉ, mô đun: Được xác định theo qui định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

6. Mức học phí đối với các trường hợp học lại: Bằng mức học phí tương ứng từng năm học từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026 quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp tổ chức học riêng theo nhu cầu người học thì mức thu theo thỏa thuận giữa người học và nhà trường trên cơ sở bù đắp đủ chi phí.

Mức thu thi lại: 50.000đ/HSSV/học phần, mô đun, môn học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường các đơn vị thuộc Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- TT UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở: Tài chính, LĐ-TB&XH, Giáo dục và Đào tạo, Y tế (p/h);
- UBND các huyện, thành phố (p/h);
- Ban Giám hiệu nhà trường;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, KHTV.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Trí Khải